

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM PỒ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HS-ST

Ngày: 17-6-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM PỒ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thào Nhè Cánh và ông Nguyễn Văn Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2021/TLST-HS ngày 19/3/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HS ngày 12/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/HSST-QĐ, ngày 26/5/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vừ A C; sinh ngày 05/9/1988 tại huyện T, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản P, xã L, huyện T, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vừ Sái X, sinh năm 1937 và bà Phá Thị S, sinh năm 1948; Bị cáo có vợ là Vàng Thị N và 03 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/12/2020 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phùng Việt Hoa, sinh năm 1954 – Là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Vàng A Đ, sinh năm 2002; địa chỉ: Bản CA, xã L, huyện T, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

Anh Vàng A T, sinh năm 1980; địa chỉ: Bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

Anh Vàng A V, sinh năm 1981; địa chỉ: Bản H, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 05 giờ 30 phút, ngày 26/11/2020, Tổ công tác Công an huyện N phối hợp với Phòng Cảnh sát môi trường, Công an tỉnh Điện Biên và Hạt Kiểm lâm huyện N làm nhiệm vụ tại khu vực Km69+700, Quốc lộ 4H thuộc địa phận bản M1, xã Ch, huyện N, phát hiện Vũ A C đang điều khiển xe máy theo hướng từ huyện M đến huyện N có biểu hiện nghi vấn vi phạm pháp luật nên đã yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Sau khi kiểm tra, tổ công tác đã phát hiện tại бага giữa xe máy có 01 chiếc ba lô màu đen, mở bên trong có 01 túi nilon màu hồng, mở ra có 04 túi nilon màu hồng bên trong mỗi túi đều chứa 01 chân động vật có 05 móng, lông màu đen, đang phân hủy bốc mùi, tổng cộng có 04 chân động vật nghi là chân gấu. Tổ công tác tiếp tục kiểm tra trong cốp xe, phát hiện có 01 gói giấy màu trắng, mở ra có 01 chất dạng keo, màu vàng cát nghi là mật gấu.

Tại cơ quan điều tra Vũ A C khai nhận: Khoảng giữa tháng 11/2020, Vàng A T trú tại bản T, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên liên hệ qua mạng xã hội Facebook và điện thoại di động bảo Vũ A C tìm mua hộ bạn của T 01 bộ chân gấu và 01 túi mật gấu với giá 17.000.000 đồng. Sau đó, C dùng điện thoại di động liên hệ với một người đàn ông tên M dân tộc Thái ở xã ML, huyện S, tỉnh Sơn La qua số điện thoại 0334.843.074 để hỏi mua 01 bộ chân gấu và 01 túi mật gấu với giá 4.000.000 đồng. Đến sáng ngày 18/11/2020 Vũ A C mượn xe máy biển kiểm soát 26M1-148.01 của em vợ là Vàng A Đ, một mình điều khiển tới xã ML, huyện S, tỉnh Sơn La mua 04 chân gấu và 01 túi mật gấu của người đàn ông tên M rồi mang về cất giấu trong tủ lạnh. Chiều ngày 24/11/2020, Vũ A C mượn xe máy của Vàng A Đ mang theo 04 chân gấu và 01 túi mật gấu để trong ba lô đi từ nhà đến huyện N, tỉnh Điện Biên. Đến khoảng 10 giờ sáng ngày 25/11/2020, C đi tới nhà Vàng A T ở bản T, xã C, huyện N nhưng không gặp được người mua 04 chân gấu và túi mật gấu. Đến tối cùng ngày 25/11/2020 Vàng A T dẫn C sang nhà em rể là Vàng A V ở cùng bản T để ngủ và bảo với C là đến 23 giờ đêm sẽ có người đến mua chân gấu và mật gấu nhưng không có ai đến mua. Đến khoảng 04 giờ 00 phút ngày 26/11/2020, do không bán được chân gấu và mật gấu, C mang theo ba lô chứa 04 chân gấu để ở бага xe máy, còn mật gấu C để trong cốp xe, điều khiển xe máy từ bản T, xã C, huyện N đi về nhà. Khi C điều khiển xe máy đến Km69+700 Quốc lộ 4H thuộc bản M1, xã Ch, huyện N, tỉnh Điện Biên thì bị Tổ công tác phát hiện, lập biên bản vụ việc, thu giữ vật chứng gồm: 04 chân Gấu ngựa, lông màu đen, mỗi chân có 05 móng, có tổng khối lượng là 7,2 kilôgam và 01 túi mật Gấu ngựa dạng keo, màu vàng cát có kích thước là 25cm x 08cm x 0,5 cm, có khối lượng là 94,2 gam đang phân hủy, bốc mùi hôi; 01 chiếc xe máy hãng Honda, loại xe Wave, biển kiểm soát 26M1-148.01; 01 chiếc điện thoại di động bàn phím hiệu Itelit; 01 ba lô màu đen.

Tại Kết luận giám định động vật số 871/STTNSV, ngày 30/11/2020 của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật – Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ đã

kết luận: Mẫu giám định số 01 (một chân động vật), mẫu giám định số 02 (một chân động vật), mẫu giám định số 03 (một chân động vật), mẫu giám định số 04 (một chân động vật), mẫu giám định số 05 (một chiếc túi mật) là của loài Gấu ngựa, có tên khoa học *Ursus thibetanus*. Tình trạng bảo tồn: Loài Gấu ngựa (*Ursus thibetanus*) có tên trong Phụ lục I, Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Ban hành kèm theo Nghị định 64/2019/NĐ-CP, ngày 16/7/2019 của Chính phủ) và đồng thời có tên trong Nhóm IB, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (Ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP, ngày 22/01/2019 của Chính phủ). Loài Gấu ngựa có tên trong Phụ lục I, Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) (Ban hành kèm theo Thông báo số 296/TB-CTVN-HTQT ngày 27/11/2019, của Cơ quan quản lý CITES Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKSNP ngày 15/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Vừ A C về tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 244 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Vừ A C đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Vừ A C về tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 92 Luật thi hành án hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; đề nghị xử phạt bị cáo Vừ A C từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc ba lô màu đen; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động là công cụ, phương tiện phạm tội. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Vừ A C nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân, hoàn cảnh của bị cáo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo. Đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo chăm sóc con nhỏ và bố mẹ già. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Vừ A C không tranh luận gì, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vừ A C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào hồi 05 giờ 30 phút, ngày 26/11/2020, Vừ A C có hành vi vận chuyển 04 chân Gấu ngựa và 01 túi mật Gấu ngựa là bộ phận không thể tách rời sự sống của cá thể Gấu ngựa. Khi bị cáo đang điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đen đỏ, biển kiểm soát 26M1-148.01 tới khu vực Km69+700 Quốc lộ 4H thuộc địa phận bản M1, xã Ch, huyện N, tỉnh Điện Biên thì bị Tổ công tác Công an huyện N phối hợp với Phòng Cảnh sát môi trường, Công an tỉnh Điện Biên và Hạt Kiểm lâm huyện N phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng. Mục đích bị cáo vận chuyển 04 chân Gấu ngựa và 01 túi mật Gấu ngựa là để mang đi tiêu thụ nhưng chưa tìm được người mua. Nguồn gốc 04 chân Gấu ngựa và 01 chiếc túi mật Gấu ngựa là của bị cáo Vừ A C mua của 01 người đàn ông tên M, không quen biết tại khu vực xã ML, huyện S, tỉnh Sơn La với giá 4.000.000 đồng vào ngày 18/11/2020. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Loài Gấu ngựa có tên khoa học là *Ursus thibetanus*, có tên trong Phụ lục I, Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Ban hành kèm theo Nghị định 64/2019/NĐ-CP, ngày 16/7/2019 của Chính phủ) và đồng thời có tên trong Nhóm IB, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (Ban hành kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP, ngày 22/01/2019 của Chính phủ). Loài Gấu ngựa có tên trong Phụ lục I, Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) (Ban hành kèm theo Thông báo số 296/TB-CTVN-HTQT ngày 27/11/2019, của Cơ quan quản lý CITES Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vừ A C phạm tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 244 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm b khoản 1 Điều 244 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...

b) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật quy định tại điểm a khoản này...”

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến sự phát triển tự nhiên và xâm phạm đến chính sách bảo vệ các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm có nguy cơ tuyệt chủng được pháp luật hình sự bảo vệ. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, không bị ai xúi giục. Hành vi của bị cáo phải xử lý nghiêm minh để giữ vững kỷ cương của pháp luật và làm gương răn đe, giáo dục trong nhân dân.

[3] Về nhân thân: Bị cáo Vừ A C xuất thân trong gia đình nông dân, muốn kiếm tiền bằng con đường bất chính nên đã mua bán các bộ phận cơ thể của loài động vật nguy cấp, quý, hiếm để kiếm lời. Tuy nhiên, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc M), sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là xã L, huyện T, tỉnh Sơn La nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Hiện bị cáo đang nuôi 03 con nhỏ và chăm sóc bố mẹ già đều trên 70 tuổi, vợ bị cáo thường xuyên đau yếu, bị cáo là lao động chính trong gia đình (được chính quyền địa phương xác nhận). Do đó, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét đề nghị xử phạt của đại diện Viện kiểm sát: Bị cáo Vừ A C, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, để cải tạo bị cáo trở thành một công dân tốt, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo, cũng là để bị cáo có điều kiện nuôi 03 con nhỏ và chăm sóc bố mẹ già. Đây cũng là thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước ta đối với người phạm tội theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 244 của Bộ luật Hình sự thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ

sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo có nghề nghiệp chính là làm nương, thu nhập thấp, gia đình bị cáo ngoài đời sống sinh hoạt, không có tài sản giá trị (Biên bản xác minh ngày 16/01/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N) nên bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với vật chứng 04 chân Gấu ngựa và 01 túi mật Gấu ngựa đã bốc mùi hôi thối thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản, Cơ quan điều tra không có thiết bị chuyên dụng để bảo quản vật chứng. Để đảm bảo vệ sinh môi trường, ngày 09/12/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 18/XLVC tiến hành tiêu hủy đối với 04 chân Gấu ngựa và 01 túi mật Gấu ngựa (có bản ảnh kèm theo). Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP, ngày 05/11/2028 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật hình sự, việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N là phù hợp nên chấp nhận.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đen, đỏ, biển kiểm soát 26M1-148.01, qua điều tra, làm rõ là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp anh Vàng A Đ là em vợ bị cáo Vũ A C, cho bị cáo mượn sử dụng. Anh Địa không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe máy của mình để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Tại giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại chiếc xe máy cho anh Vàng A Đ (biên bản trả lại tài sản vào ngày 24/12/2020). Tại phiên tòa anh Vàng A Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy việc xử lý vật chứng đối với chiếc xe máy của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Đối với chiếc điện thoại di động loại có bàn phím, nhãn hiệu Ite1 it2163, màu đen thu giữ của bị cáo Vũ A C, bị cáo dùng để liên hệ với người đàn ông tên Minh để T đổi mua bán bộ phận cơ thể Gấu ngựa và 01 chiếc ba lô màu đen, bị cáo dùng để cất giấu 04 chân Gấu ngựa là công cụ, phương tiện phạm tội. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại và tịch thu tiêu hủy 01 chiếc ba lô.

[8] Xét đề nghị của người bào chữa: Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo mức thấp nhất theo đề nghị của

Kiểm sát viên và cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nên chấp nhận đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo của người bào chữa.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Bị cáo khai Vàng A T là người liên hệ với bị cáo để tìm người tiêu thụ 04 chân Gấu ngựa và 01 túi mật Gấu ngựa. Tại phiên tòa, Vàng A T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật hình sự vẫn tiến hành xét xử. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành xác minh, đối chất giữa bị cáo và Vàng A T nhưng T không thừa nhận đã liên hệ, T chối với C về việc mua bán bộ phận cơ thể động vật. Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với Vàng A T, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét trách nhiệm.

Đối với Vàng A V là em trai của Vàng A T là người cho bị cáo Vừ A C ngủ tại nhà Vành vào đêm ngày 25/11/2020. Tại phiên tòa, Vàng A V vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật hình sự vẫn tiến hành xét xử. Cơ quan điều tra đã làm rõ V không biết việc bị cáo cất giấu 04 chân gấu và mật gấu trong ba lô để mang đi tiêu thụ, Viện kiểm sát không đề cập xử lý, do đó Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm..

Bị cáo Vừ A C khai đã mua 04 chân và 01 túi mật Gấu ngựa của người đàn ông dân tộc Thái tên Minh ở xã ML, huyện S, tỉnh Sơn La, qua số thuê bao 0334.843.074. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành xác minh tại xã ML có 02 người đàn ông dân tộc Thái tên Minh nhưng cả 02 đều không quen biết với Vừ A C và không liên hệ T chối mua bán bộ phận cơ thể Gấu ngựa với Vừ A C. Hai người đàn ông tên M cũng không phải chủ sở hữu số thuê bao 0334.843.074. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh số thuê bao 0334.843.074 nhưng không xác định được đăng ký chủ sở hữu số thuê bao và số thuê bao không liên lạc được. Trong quá trình T chối mua bán người đàn ông tên Minh đội mũ bảo hiểm che kín mặt nên bị cáo không nhận dạng được. Cơ quan điều tra không đủ cơ sở điều tra, xác minh người đàn ông này, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Tại phiên tòa bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại xã L, huyện T, tỉnh Sơn La là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[12] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 244 của Bộ luật hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vừ A C phạm tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Xử phạt bị cáo Vừ A C 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, với thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/6/2021.

Giao bị cáo Vừ A C cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Vừ A C có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vừ A C.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc ba lô màu đen, tình trạng đã qua sử dụng; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động.

(Vật chứng được niêm phong như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/3/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N)

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày

kể từ ngày tuyên án, trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA - TA tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người có QLNV LQ;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- UBND xã L;
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS: VA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Sao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiếp

Thào Nhè Cánh

Phạm Thị Sao

